

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ- ST

Ngày 17/4/2024

*V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường.

Ông Chu Hồng Văn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 16 ngày 22/3/2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Bùi Văn H, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI D VUÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội D vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Văn H kết hôn ngày 23/10/2012, trước khi kết hôn có tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, anh H chơi bời nợ nần và có tính vũ phu, hiện tại vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2023. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị D xin ly hôn anh H.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Linh Đ, sinh ngày 17/9/2013 và Bùi Quốc Đ, sinh ngày 08/01/2016. Nay hai con Đg ở với anh H. Sau khi ly hôn chị D để hai con tự quyết định ở với ai là do hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Bùi Văn H là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng Đ H lệ các giấy tờ nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa chị D giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh H và nhận nuôi 02 con, nếu không được nuôi hai con chị D nhận nuôi con lớn là Bùi Thị Linh Đ và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Bùi Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D được nuôi con Bùi Thị Linh Đ, sinh ngày 17/9/2013; giao cho anh Bùi Văn H được nuôi con Bùi Quốc Đ, sinh ngày 08/01/2016. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn H là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, huyện Lục Nam. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh Bùi Văn H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 – Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội D vụ án: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2012 tại UBND xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân H pháp. Sau khi kết hôn chị D và anh H đã có thời gian chung sống hòa thuận, nay có 02 con chung. Theo chị D trình bày vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, anh H hay chơi bời dẫn đến nợ nần và đánh đập chị D, không chăm lo cho vợ con; khi xảy ra mâu thuẫn đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh H theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Bùi Văn H nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Mặt khác, chị D có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải để các đương sự về đoàn tụ chung sống với nhau được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được ông Bùi Văn Liên (bố đẻ anh H) cho biết chị D và anh H quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ ghen tuông, anh H nhiều lần nặng lời với chị D, chị D đã ra ngoài thuê trọ. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình có khuyên bảo hòa giải nhưng không thành. HĐXX xét thấy chị D và anh H ly thân nhau đã lâu, chị D không có nguyện vọng chung sống cùng anh H nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm và tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được vì vậy cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Bùi Văn H theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù H pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Linh Đ, sinh ngày 17/9/2013 và Bùi Quốc Đ, sinh ngày 08/01/2016. Nay hai con Đg ở với anh H. Tại phiên tòa chị D đề nghị được nuôi cả hai con chung, nếu không được nuôi hai con thì chị D nhận nuôi con lớn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy hiện tại anh chị có 02 con chung, sau khi anh chị ly hôn cháu Đ có nguyện vọng ở với chị D; cháu Đ có nguyện vọng ở với anh H. Để đảm bảo về quyền cũng như nghĩa vụ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung sau khi ly hôn, cần giao cho chị D và anh H mỗi người nuôi một con, cụ thể giao cho chị D nuôi cháu Đ, giao cho anh H nuôi cháu Đ là phù H pháp luật và phù H nguyện vọng của các con. Chị D và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Chị D và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị D và anh H thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

(1) Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Bùi Văn H.

(2) Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi con là Bùi Thị Linh Đ, sinh ngày 17/9/2013, giao cho anh Bùi Văn H nuôi con là Bùi Quốc Đ, sinh ngày 08/01/2016. Chị D và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị D và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị D và anh H thực hiện quyền này.

(3) Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007888 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Xác nhận chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

(4) Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng Đ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- CCTHADS huyện Lục Nam;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn H

